

# **GIẢM THIỂU TỈ LỆ HỌC SINH LƯU BAN VÀ BỎ HỌC BẰNG GIẢI PHÁP CHUYÊN MÔN**

**• NGƯT.TS. DẶNG HUỖNH MAI**  
*Bộ Giáo dục và Đào tạo*

## **1. Đặt vấn đề**

Hiện nay, tình trạng học sinh (HS) bỏ học đã và đang là mối quan tâm của cả nước. Nhiệm vụ và mục tiêu của giáo dục là phải thực hiện được quá trình Dạy và Học có chất lượng. Đặc biệt, trong điều kiện Việt Nam đã công bố hoàn thành mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học thì yêu cầu trẻ phải học hết cấp tiểu học là rất cần thiết. Mặt khác, trong xu thế hội nhập, với quá trình xây dựng đất nước Việt Nam công nghiệp hoá, hiện đại hoá nhằm gắn kết nền kinh tế đất nước với nền kinh tế của khu vực và thế giới để bước vào quá trình phân công lao động quốc tế, việc tạo điều kiện để trẻ được học, được hiểu, "học được" là một vấn đề mà các nhà quản lí, cán bộ chủ đạo chuyên môn và giáo viên (GV) trực tiếp đứng lớp cần đặc biệt chú trọng. Theo số liệu thống kê cuối học kì I năm học 2007 – 2008, nhiều địa phương có tỉ lệ bỏ học cao như: Nghệ An, Yên Bái, Hà Giang, Quảng Nam, Trà Vinh. Có những địa phương nếu tính tỉ lệ bình quân thì số HS bỏ học không phải là cao nhưng đi vào vùng sâu, ở từng trường cụ thể, HS bỏ học với tỉ lệ khá cao như huyện Kỳ Sơn (Nghệ An) tỉ lệ HS bỏ học là 12,7%. Có rất nhiều lí do HS bỏ học, trong đó lí do chung như vì nghèo, điều kiện kinh tế không phát triển; Do bố mẹ không quan tâm; Cơ sở vật chất còn nghèo nàn, thiếu thốn; Chính quyền địa phương chưa đầu tư nhiều cho công tác giáo dục...

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi quan tâm đến những nguyên nhân chủ quan, tác động đến quá trình dạy và học ở các vùng miền khác nhau để tìm ra giải pháp khắc phục.

## **2. Vài nét về hiện trạng HS lưu ban và bỏ học ở Việt Nam**

### **2.1. Tình trạng HS bỏ học nhìn từ góc độ cụ thể ở từng địa phương**

Ở mỗi địa phương, do hoàn cảnh sống của người dân, phong tục tập quán, nét văn hoá cùng điều kiện lao động khác nhau thì ngoài những nguyên nhân chung vẫn có những nguyên nhân cụ thể từ các vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn khiến cho HS phải bỏ học.

Năm học 2007 – 2008, ở các vùng sâu, vùng xa, thậm chí ngay cả một số vùng thuận

lợi, do bản chất của cuộc vận động "Hai không" đối với quá trình giáo dục trẻ chưa được hiểu đúng, chưa được quán triệt đầy đủ, sâu sắc nên nhiều GV đã thẳng tay đưa HS yếu, kém một trong các môn học cơ bản xuống lớp dưới. Điều này khiến HS bị mặc cảm là không được tiếp nhận và "đụng chạm" đến sự sĩ diện của cha mẹ HS, những người nông dân lao động với suy nghĩ: "Đã lam lũ làm ăn để cho con được đi học, bây giờ học không được bằng ai thì ở nhà ra đồng vậy". Mặt khác, do một số GV nhận thức chưa thấu đáo về vấn đề này hoặc suy nghĩ "Bộ đã có hướng dẫn thì tại sao lại không làm như thế" nên dẫn đến tình trạng có GV không nhận HS yếu kém để dạy nhàn hơn. Từ đó, số HS được cho là ngồi nhầm lớp bị lưu ban và lập tức bỏ học. Do đó kết thúc học kì I, số HS lưu ban còn lại là không đáng kể so với số HS bỏ học.

- Ở Đồng bằng Sông Cửu Long, gần đây việc nuôi cá Basa, nuôi tôm phát triển, nhiều người dân đưa nhau về sống ở khu vực ruộng sâu. Vì vậy, trẻ có thể phải trông em bé hoặc cùng bố mẹ vào ruộng sâu nên đi học không thường xuyên (thường là 1 tuần nghỉ, 2 tuần đi học hoặc ngược lại). Ở các xã vùng ven biển, khi đến mùa nghêu (ngao) HS nghỉ học từ 3 đến 4 tuần để cùng gia đình kiếm sống (đối với HS lớp 3, 4, 5). Có trường hợp đối với HS lớp 1, 2, nếu GV đồng ý cho bé em vào lớp thì đi học, GV không đồng ý thì phải nghỉ học.

- Ở khu vực Tây Bắc, HS nghỉ theo vụ mùa và nhiều ngày lễ hội. Đặc biệt, ở những xã nằm trong vùng trung chuyển ma tuý, có nhiều HS mồ côi phải nghỉ học thường xuyên từ 1 đến 2 tuần.

- Khu vực Bắc Trung Bộ, ở miền núi cao có tình trạng bố, mẹ HS dùng giấy vớ và SGK được cấp để hút thuốc, HS không dám đến trường học tiếp vì không có sách, vớ nên phải bỏ học giữa chừng. Mặt khác, ở đây có một tục lệ là "ma chay" thường tổ chức cả tuần, nên trẻ trong chính gia đình có tang cùng thân nhân "gần gũi" cũng nghỉ luôn cả tuần, đó là chưa kể đến việc di dân vài tháng của xã.

- Khu vực Trung Bộ, ở vùng cao cũng có những hiện tượng tương tự như khu vực Tây Bắc.

Vùng ven biển, người dân sống bằng nghề đánh bắt hải sản, HS phải nghỉ học theo vụ, nhiều trẻ không đi học được vào ban ngày, không có lớp ban đêm nên HS không được đến trường.

- Ngoài ra, còn có hiện tượng ở vùng cao HS thường xuyên đến lớp muộn, GV không chấp nhận cho vào lớp là các em bỏ học luôn.

**2.2. Nhìn từ góc độ chuyên môn**

Qua khảo sát thực tế trong 2 năm qua cho thấy:

- Khi HS vắng mặt 1 tuần, GV thường có 2 giải pháp: Một là, yêu cầu HS đi học thêm buổi thứ 2 hoặc học thêm vào đúng giờ nghỉ giải lao hoặc trước hay sau mỗi buổi học chính thức. Hai là, ưu tiên gọi HS này lên bảng giải bài tập. Chính việc làm đó đã tạo nên tâm lí sợ hãi cho HS, sự xấu hổ trước bạn bè của trẻ mới lớn làm cho nhiều HS phải bỏ học.

- Ở vùng sâu vùng xa, lớp học thậm chí chỉ có 6 đến 9 HS mà GV vẫn yêu cầu HS đi học phụ đạo thêm một tuần từ 1 đến 3 buổi thì cái được có lẽ thuộc về GV chứ chưa phải là cho trẻ. Chẳng hạn, GV phụ đạo không thu tiền thì được tiếng là nhiệt tình, hoặc nếu được nhận tiền “trội giờ” thì GV được một chút về kinh tế. Còn trẻ được gì sau khi học tập và phụ đạo thì hoàn toàn chưa rõ. Tại sao lại như vậy? Có lẽ là do GV dạy các điều cần phải dạy trong khi trẻ chưa nhận dạng được cái gì là cần phải học, cái gì là chỉ cần để hiểu biết mà thôi.

- Sự chưa gặp nhau giữa thầy và trò được xem là vấn đề mấu chốt nhất tác động đến việc bỏ học của HS với góc nhìn từ lĩnh vực chuyên môn, tức là từ quá trình dạy và học trên lớp.

Dưới đây là một vài ví dụ cụ thể:

Ví dụ 1: Trường hợp HS Trâm ở Đồng Tháp, từ một HS giỏi, do cách xử lí không đúng của nhà trường, em đã trở thành “câm lặng” và suýt phải bỏ học vĩnh viễn.

Ví dụ 2: Trong quá trình giảng dạy

**\* Môn Tiếng Việt:**

- Ở một lớp 5 ở miền núi, khi dạy tiết tập đọc với bài “Chú đi tuần” (Sách Tiếng Việt 5 Tập 2, trang 52) tại sao HS “ngày xưa” đều thuộc lòng bài này nhưng HS dân tộc ở đây không có một chút cảm nhận nào cả. Thật ra điều đơn giản và dễ thấy nhất là HS đọc chưa được trôi chảy thì làm sao hiểu được nội dung để cảm nhận. Trong khi đó GV lại đặt ra các câu hỏi như:

- + Bài thơ ra đời khi nào?
- + Tác giả muốn nói điều gì?
- + Chúng ta có thể rút ra hoàn cảnh chú đi tuần ra sao?
- + Tác giả muốn nói điều gì?

Sau 1 tiết học mà HS không thu nhận được điều gì đáng kể thì ngày qua ngày sẽ thật là lãng phí. Rồi có ngày ai đó sẽ cho rằng những HS này đang ngồi nhăm lợp và đưa xuống lớp dưới thì chắc chắn các em sẽ bỏ học. Nhưng điều đáng nói là HS làm sao mà tự biết được mình đang “ngồi” đúng ở lớp nào?

- Ở một lớp 3 ở Tây Nguyên, khi GV dạy tiết Chính tả bài “Tiếng đàn” thì chỉ có 4/26 HS là viết đúng, số còn lại 20 HS viết sai, đặc biệt có 2 HS chỉ hoàn toàn chép của bạn. Các em sẽ học được gì sau một tiết học như vậy?

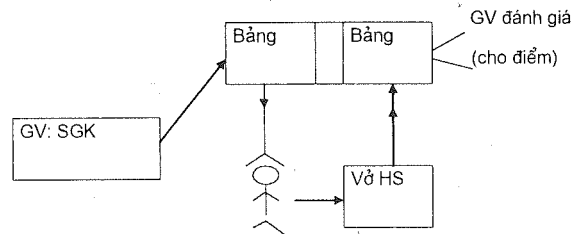
**\* Môn Toán:**

- Trong giờ Toán lớp 3 ở miền núi, GV trình bày một tiết dạy Chia một số có 4 chữ số cho một số có 1 chữ số (GV trình bày cách chia trên bảng). Thử hỏi khi HS không đủ vốn tiếng Việt thì cách trình bày viết của GV chắc chắn là không phải dành cho HS, vậy thì cho ai? Mặt khác quan sát trên lớp thì đã có 2/3 HS chưa làm đúng được phép chia số có 1 chữ số cho số có 1 chữ số.

- Ở lớp 5 vùng Tây Nguyên, khi GV dạy tiết luyện tập tìm diện tích xung quanh, thể tích, mà GV tự phải làm tất cả các khâu kiểm tra HS để biết HS có gì, hiểu gì thì chắc chắn là HS không thể củng cố được.

Chính việc thiếu sự tương tác giữa thầy – trò trong quá trình dạy – học là một tổn thất lớn của giáo dục hiện nay, là một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến việc lưu ban và bỏ học của HS tiểu học.

Mô hình Dạy – Học có thể được mô tả như sau:



**Nhận xét:**

- Kiến thức chỉ đi vòng ngoài không thâm nhập vào trẻ được.
- Điểm phản ánh từ vòng ngoài, loang quanh bên ngoài thì không phải là yếu tố hiện thực.

**3. Các giải pháp về chuyên môn**

**3.1. Cần phải dạy thật, học thật ngay từ khi HS vào lớp 1 và ở mỗi tiết học**

Chẳng hạn, đối với HS người Khơ mú khi đọc thì luôn dùng dấu huyền. Ví dụ: “thầy giáo” thì HS đọc là “Thày giào”; Hiệu trưởng – Hiệu trưởng; Chú đi tuần – Chú đi tuần.

HS người Ê đê thì lại đọc không có dấu. Ví dụ: Thầy giáo thì HS đọc là Thầy giao; Hiệu trưởng – Hiệu trương; Chủ đi tuần – Chu đi tuần.

Như vậy, khi dạy học GV không thể bỏ qua đặc điểm này được mà phải chấp nhận việc đọc bỏ sai dấu của HS, nhưng cần hướng dẫn HS viết đúng, còn đọc đúng thì phải rèn từng bước. Ngày qua ngày, chắc chắn HS sẽ đọc đúng và viết đúng.

**3.2. GV cần đưa liều lượng kiến thức vừa phải, thích hợp với năng lực và điều kiện của HS**

- Trường hợp dạy bài “Chú đi tuần” ở lớp 5 một trường miền núi thì nên chọn 1 hoặc 2 khổ mà các em có thể cảm nhận được để cho HS đọc đúng; học cả 1 bài thơ này thì GV không đủ thời gian và HS không nắm bắt được gì. Ví dụ như ở vùng cao, không có điện, HS không cảm nhận được câu “nhìn ánh điện qua khe phòng lưu luyến” hay nói đúng hơn là GV không có thời gian để làm cho HS bắt được điều này.

- Trong trường hợp dạy HS viết chính tả bài “Tiếng đàn” ở một lớp học của Tây Nguyên nên chọn nửa đoạn sau để viết thì HS sẽ dễ hiểu, GV lại có thì giờ sửa chữa cách bỏ dấu cho HS.

**3.3. Mỗi HS đều phải được học thật sự, không làm người thừa trong lớp**

Ví dụ trong tiết chính tả ở lớp 3, khi GV phát hiện trong lớp có 2 HS không hiểu gì và không viết được gì thì ở các tiết sau (không phải là tiết toán) nên cho HS viết lại những gì xảy ra trong lớp, trong gia đình HS đó và GV cần dẫn dắt, sửa chữa cẩn thận cho HS. Sau một thời gian HS sẽ theo kịp các bạn cùng lớp. Bỏ rơi trẻ lâu dài thì trẻ sẽ tự bỏ trường, bỏ lớp.

**3.4. Dạy theo điều kiện thực tế không quá áp đặt chủ quan**

- Khi HS đến muộn thường xuyên do đường xa hoặc do hoàn cảnh gia đình, GV cần động viên, nâng đỡ và dạy những nội dung rút gọn cần thiết, đủ liều lượng cho trẻ để giúp trẻ dần dần thoát khỏi hoàn cảnh của mình, có thể hoà nhập với các bạn cùng lớp.

- Với một lớp học chỉ có 6 đến 10 HS thì không cần tăng buổi, tăng tiết và GV có thể dạy đến từng HS. Thời lượng một buổi là để dạy cho 35 HS/ 1 lớp, với 7 – 9 HS/1 lớp, nếu chọn đúng liều lượng kiến thức để giảng dạy thì không cần ép HS phải quá tải.

- Ở một lớp ghép, lớp 1 + lớp 4 mà chỉ có 4 HS lớp 1 và 7 HS lớp 4, GV có thể dành nửa buổi đầu dạy cho 4 HS lớp 1 bài mới, HS lớp 4 làm bài tập ứng dụng và nửa buổi còn lại thì HS lớp 4 được học bài mới và HS lớp 1 làm bài tập hoặc

đọc nhẩm hoặc đọc chép hoặc tập viết... Cuối giờ cho HS hát chung một bài, tập một bài thể dục hoặc một điệu múa dân tộc. Lớp học đạt kết quả tốt.

**3.5. Không làm HS sợ hãi**

- Khi HS vắng một tuần thì GV cần biết “chiết” kiến thức trong một tuần cho HS học trong một vài tiết để các em bắt kịp.

- Không gọi HS lên lớp, không nặng lời, không phụ đọc trong giờ ra chơi hoặc trước và sau giờ học, mà phụ đọc ngay trong buổi học chính khoá.

**3.6. Một số thủ tục ở địa phương ảnh hưởng đến học tập cần được can thiệp**

Đối với trường hợp ở gia đình dân tộc khi có ma chay HS nghỉ cả tuần thì cần phải được điều chỉnh.

**3.7. Những ngày lễ hội chính thức của các dân tộc, HS cần được nghỉ 1 hoặc 2 ngày không phải là vấn đề phức tạp trong quá trình giáo dục trẻ.**

**3.8. Đối với HS yếu kém, HS không đến lớp thường xuyên, các em cần được động viên, giúp đỡ, không nên nặng lời và phê bình thường xuyên trước lớp, tránh không để HS thấy sợ thầy cô, sợ bạn, sợ trường, sợ lớp.**

**3.9. Cán bộ quản lý cần tôn trọng sáng kiến cá nhân của mỗi GV trong quá trình GV giảng dạy đối với HS gặp khó khăn**

Ví dụ, GV sẵn sàng chấp nhận cho 1 HS lớp 5, lớp 7 khi đến lớp mang theo 1 em bé 2 tuổi, cho 3 HS đến gia đình 1 HS phải nuôi 2 đứa em khuyết tật (2 HS trông 2 em khuyết tật, 1 HS nấu ăn) để GV phụ đạo cho HS thường xuyên không đến lớp 1 lần trong tuần, để khi được đến lớp là HS này theo kịp các bạn trong lớp.

**3.10. Phát huy vai trò của các lãnh đạo nhà trường**

Hiệu trưởng, Ban giám hiệu cùng quan tâm, hỗ trợ và tạo điều kiện để mỗi GV dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm về những điều mà GV có thể dành cho HS của mình, miễn sao không trái với quan điểm, đường lối và mục tiêu giáo dục.

Giải quyết được các vấn đề trên chính là sự đòi hỏi “Hãy tự hiểu mình” như Sourat đã khuyên chúng ta. GV cần hiểu HS của mình đã và đang có gì, các em cần gì, GV phải dạy gì để HS được học và học được.

**SUMMARY**

*The article outlines the status quo of school repetition and drop-out and some specific solutions to minimize the rate of school repeaters and drop-outs in Vietnam.*